HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ ĐẠI HÀN DÂN QUỐC
VỀ
HỢP TÁC VÀ HỖ TRỢ LẪN NHAU TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam và Chính phủ Đại Hàn Dân quốc, sau đây gọi tắt là "các bên";

Nhận thấy tầm quan trọng của việc tính toán chính xác thuế Hải quan và các khoản thu khác từ hàng hóa xuất nhập khẩu, cũng như của việc thực hiện đúng đắn công tác quản lý ngoại thương mà cơ quan Hải quan của mỗi bên phải thực thi;

Nhận thức rằng mọi vi phạm pháp luật Hải quan gây phương hại đến lợi ích kinh tế, tài chính, xã hội của mỗi bên cũng như các lợi ích thương mại chính đáng;

Nhận thấy rằng sự hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa những nỗ lực của Hải quan nhằm ngăn chặn vi phạm pháp luật hải quan và chống đối cơ quan Hải quan của hai bên góp phần phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị giữa hai nước và nâng cao hiệu quả công tác Hải quan của mỗi bên;

Trên cơ sở Khuyến nghị của Hội đồng hợp tác Hải quan về Hỗ trợ Hành chính ngày 5 tháng 12 năm 1953;

Đã thỏa thuận như sau :

Điều 1 : CÁC ĐỊNH NGHĨA

Theo Hiệp định này :

1) " Pháp luật Hải quan " được hiểu là mọi điều khoản do luật và các văn bản dưới luật mà mỗi bên ký kết ban hành liên quan đến việc nhập khẩu, xuất khẩu hàng hóa, hoặc bất cứ thủ tục hải quan nào khác liên quan đến thuế hải quan và các loại thuế khác; các biện pháp cấm đoán, hạn chế hoặc kiểm soát việc vận chuyển hàng hóa qua biên giới quốc gia.

2) " Hành vi phạm pháp " là mọi hành vi vi phạm pháp luật Hải quan cũng như mọi hành vi chủ tâm vi phạm pháp luật đó.

3) " Cơ quan Hải quan " có thẩm quyền ở Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam là Tổng cục Hải quan Việt nam, ở Đại Hàn Dân quốc là Tổng cục Hải quan Hàn quốc.

4) " Bên yêu cầu " là bên đưa ra đề nghị được hỗ trợ về các vấn đề Hải quan.

5) " Bên được yêu cầu " là bên tiếp nhận đề nghị hỗ trợ về các vấn đề Hải quan.

Điều 2 : PHẠM VI HIỆP ĐỊNH

Trong khuôn khổ Hiệp định này, việc hợp tác hỗ trợ lẫn nhau sẽ được thực hiện theo luật lệ qui định của bên được yêu cầu và trong phạm vi khả năng và thẩm quyền của cơ quan Hải quan của bên được yêu cầu trên các lĩnh vực sau :

1) Ngăn chặn, điều tra và trấn áp các vi phạm pháp luật Hải quan nhằm đảm bảo thực hiện nghiêm pháp luật Hải quan mỗi nước;

2) Cung cấp thông tin, theo yêu cầu của bên kia, để phục vụ công tác quản lý và thực thi pháp luật hải quan;

3) Nghiên cứu, phát triển và thử nghiệm các biện pháp nghiệp vụ mới bảo đảm cải tiến thủ tục Hải quan; đào tạo và trao đổi cán bộ (có thỏa thuận riêng).

4) Đơn giản hóa các thủ tục Hải quan.

5) Các lĩnh vực hợp tác theo thỏa thuận của hai bên.

Điều 3 : HỖ TRỢ THEO YÊU CẦU

1- Cơ quan Hải quan có thẩm quyền của mỗi bên, căn cứ yêu cầu của bên kia sẽ cung cấp cho bên đó các thông tin có liên quan đến :

a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu từ lãnh thổ của một bên sang lãnh thổ của bên kia và các thủ tục Hải quan được áp dụng để thông quan số hàng hóa đó;

b) Việc di chuyển người, hàng hóa, hành lý và phương tiện vận tải của bên này qua lãnh thổ của bên kia;

c) Về việc thu thuế hải quan và các khoản thu khác do cơ quan Hải quan thực hiện và đặc biệt, về việc định giá trị hàng hóa và việc phân loại theo biểu thuế;

d) Các loại hàng cấm và hạn chế xuất nhập khẩu;

e) Việc áp dụng các qui tắc về xuất xứ hàng hóa chưa quy định trong các Hiệp định khác mà một hoặc hai bên đã ký;

2- Cơ quan Hải quan có thẩm quyền của một trong hai bên, căn cứ theo yêu cầu của bên kia, khi có cơ sở để tin rằng các đối tượng dưới đây đã và/hoặc đang vi phạm pháp luật Hải quan sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo việc kiểm tra, kiểm soát đối với :

a) Các pháp nhân hoặc thể nhân

b) Việc di chuyển hàng hóa.

c) Các phương tiện vận tải.

Điều 4 : HỖ TRỢ TỰ NGUYỆN

Các cơ quan hải quan có thẩm quyền sẽ cung cấp cho nhau, căn cứ theo luật pháp và qui định của mình, những hỗ trợ mà họ xét thấy cần thiết cho việc thực hiện đúng pháp luật hải quan, đặc biệt khi họ nhận được thông tin về :

1) Các hoạt động đã, đang hoặc sẽ vi phạm pháp luật Hải quan và có thể xâm phạm lợi ích của bên ký kết kia;

2) Các phương tiện hoặc phương thức mới áp dụng trong các vi phạm này:

3) Hàng hóa thuộc diện dễ vi phạm nghiêm trọng pháp luật hải quan;

4) Các biện pháp kỹ thuật phục vụ kiểm tra, giám sát hải quan, kể cả những kinh nghiệm thu được qua việc áp dụng các kỹ thuật đó.

Điều 5 : HỢP TÁC NGHIỆP VỤ

Cơ quan Hải quan có thẩm quyền của các bên ký kết sẽ hợp tác với nhau trên cơ sở các bên cùng có lợi trong các lĩnh vực hải quan, gồm :

1) Trao đổi các chuyên gia Hải quan nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ Hải quan;

2) Trao đổi thông tin và kinh nghiệm trong việc sử dụng các thiết bị ngăn chặn và phát hiện;

3) Trao đổi các dữ liệu nghề nghiệp, khoa học và kỹ thuật liên quan đến các luật lệ và thủ tục Hải quan;

4) Trao đổi thông tin về các hoạt động thực hiện với các nước thứ ba trong khuôn khổ Hội đồng hợp tác Hải quan.

Điều 6 : HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG CÁC YÊU CẦU HỖ TRỢ

1- Bên yêu cầu gửi yêu cầu bằng văn bản, kèm các tài liệu liên quan. Trong trường hợp khẩn cấp, có thể yêu cầu miệng, nhưng ngay sau đó phải khẳng định lại bằng văn bản.

2- Những thông tin cần nêu trong bản yêu cầu đề cập ở khoản 1 của điều này bao gồm :

a) Tên cơ quan Hải quan yêu cầu;

b) Mục đích yêu cầu và diễn giải các hỗ trợ đang đề nghị;

c) Nhận dạng, quốc tịch và địa chỉ của các đương sự có liên quan, nếu biết;

d) Diễn giải chủ đề và bản chất tố tụng kể cả các vấn đề pháp lý có liên quan.

3- Các yêu cầu và tài liệu bổ trợ sẽ gửi kèm bản dịch ra ngôn ngữ chính thức của bên được yêu cầu hoặc sang tiếng Anh.

Điều 7: THỰC HIỆN CÁC YÊU CẦU

1- Căn cứ theo yêu cầu của bên kia, các bên sẽ áp dụng các biện pháp thích hợp để thực hiện yêu cầu bằng cách tiến hành những điều tra cần thiết, để thu thập và xác minh các thông tin liên quan đến những yêu cầu này. Việc điều tra này có thể gồm việc lấy lời khai hoặc khẳng định của chuyên gia, người làm chứng cũng như người bị nghi vấn là đã vi phạm pháp luật Hải quan.

2- Các yêu cầu hỗ trợ được đề cập trong điều khoản này sẽ được thực hiện theo pháp luật và quy định hiện hành của bên được yêu cầu và trong phạm vi khả năng và quyền hạn của cơ quan Hải quan có thẩm quyền của bên đó.

Điều 8 : TRƯỜNG HỢP NGOẠI LỆ

1- Bên được yêu cầu có thể từ chối hỗ trợ tất cả hoặc một phần các yêu cầu nếu :

a) Bên được yêu cầu cho rằng việc thực hiện yêu cầu này sẽ phương hại đến chủ quyền an ninh, trật tự công cộng hoặc các lợi ích quốc gia khác;

b) Bên được yêu cầu cho rằng những yêu cầu này xâm phạm bí mật công nghiệp, thương mại hoặc nghề nghiệp trong lãnh thổ của bên đó; hoặc

c) Bên được yêu cầu cho rằng những yêu cầu này liên quan đến các qui định về tiền tệ hoặc thuế khóa hơn là liên quan đến các qui định về thuế xuất nhập khẩu và các khoản thu khác.

2- Trước khi từ chối các yêu cầu này, bên được yêu cầu nên xem xét khả năng có thể hỗ trợ theo những điều kiện hoặc yêu cầu nào đó nếu xét thấy cần thiết. Nếu bên ra yêu cầu chấp nhận sự hỗ trợ theo những yêu cầu hoặc điều kiện này thì họ sẽ tuân thủ điều đó.

3- Nếu không thể đáp ứng yêu cầu hỗ trợ, phải thông báo sớm cho bên ra yêu cầu và nêu lý do.

Điều 9 : CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT

Căn cứ vào qui định của pháp luật Hải quan, một trong hai bên, theo yêu cầu sẽ cung cấp cho bên kia các báo cáo, ghi chép về vụ việc, bản sao có xác nhận và các văn bản hoặc tài liệu khác kể cả các thông tin đã được điện toán mà xét thấy cần thiết cho các thủ tục tố tụng ở lãnh thổ bên kia.

Điều 10 : BẢO MẬT

1- Mọi thông tin và tài liệu mà một trong hai bên nhận được theo Hiệp định này được coi như các tài liệu mật và được bảo quản theo qui định pháp luật của bên đó.

2- Mọi thông tin và tài liệu mà một trong hai bên nhận được theo Hiệp định này chỉ được sử dụng vào những mục đích đã qui định trong Hiệp định này, không được sử dụng vào các mục đích khác nếu không có sự thỏa thuận bằng văn bản của Bên kia.

Điều 11 : CHI PHÍ

1- Trong quá trình bên được yêu cầu thực hiện yêu cầu hỗ trợ theo Hiệp định này thì mọi chi phí phát sinh sẽ do bên đó chịu.

2- Mọi chi phí nảy sinh trong vấn đề hợp tác Nghiệp vụ đề cập trong điều 5 của Hiệp định này sẽ được giải quyết theo thỏa thuận riêng giữa hai bên.

Điều 12: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1- Các bên ký kết sẽ cố gắng giải quyết mọi vấn đề hoặc bất đồng phát sinh trong quá trình giải thích hoặc thực hiện Hiệp định này với sự nhất trí chung.

2- Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày ký.

3- Hiệp định này có thể được sửa đổi và bổ sung với sự nhất trí của hai bên.

4- Hiệp định này có hiệu lực trong thời hạn 5 năm và sau sẽ mặc nhiên được gia hạn tiếp trừ phi một bên thông báo cho bên kia bằng văn bản 06 tháng trước về ý định chấm dứt Hiệp định của bên đó.

Để làm bằng, những người ký dưới đây, với sự ủy quyền hợp thức của Chính phủ từng nước, đã ký Hiệp định này.

Hiệp định này làm thành 2 bản tại ...Hà Nội... ngày ..10.. tháng ..3.... năm ..1995 Mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Hàn quốc và tiếng Anh. Các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác biệt về diễn giải sẽ lấy bản tiếng Anh làm chuẩn.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
CỘNG HÒA XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
ĐẠI HÀN DÂN QUỐC

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF KOREA

CONCERNING COOPERATION AND MUTUAL ASSISTANCE IN CUSTOMS MATTERS

****

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Republic of Korea (hereinafter referred to as "the Contracting Parties"),

Considering the importance of assuring the accurate assessment of customs duties and other taxes collected on the importation or exportation of goods, as well as the proper implementation of control on external trade which their respective Customs Authorities enforce;

Considering that contraventions against customs legislation are prejudicial to the economic, fiscal, social and commercial interests of their respective countries as well as to the legitimate interests of trade;

Convinced that the cooperation and mutual assistance between the Customs efforts to prevent offences against customs legislation and Authorities of the two Contracting Parties contribute to the development of the friendly cooperation between the two countries and to the enhancement of effectiveness of customs services of each Contracting Party;

Having regard to the Recommendation of the Customs Cooperation Council on Mutual Administrative Assistance of December 5, 1953;

Have agreed as follows :

Article 1
DEFINITIONS

For the purposes of the present Agreement,

1. "Customs legislation" shall mean provisions laid down by laws or regulations concerning the importation, exportation of goods or any other customs procedure, whether related to customs duties and other taxes or to measures of

prohibition, restriction or control regarding the movement of goods across the national boundaries.

2. " Contravention " shall mean any violation of customs legislation as well as any attempted violation of such legislation.

3. " Customs Authorities " shall mean, in the Republic of Korea, the Korean Customs Service and, in the Socialist Republic of Vietnam, the General Department of Vietnam Customs.

4. " Requesting Contracting Party " shall mean the Contracting Party which makes a request for assistance in customs matters.

5. " Requested Contracting Party " shall mean the Contracting Party which receives a request for assistance in customs matters.

Article 2
SCOPE OF THE AGREEMENT

The cooperation and mutual assistance under this Agreement shall be provided in accordance with the laws and regulations of the requested Contracting Party and within the competence and resources of its Customs Authority in the areas of ;

1. prevention, investigation and repression of contraventions of customs legislation to ensure the proper implementation of the customs legislation of the respective Contracting Parties.

2. providing information, upon request by the other Contracting Party, to be used in administering and enforcing the customs legislation.

3. research, development and testing of new customs procedure and training and exchange of personnel (to be arranged separately)

4. simplification of the customs procedure.

5. other areas of co-operation as may be mutually agreed upon.

Article 3
ASSISTANCE ON REQUEST

1. The Customs Authority of either Contracting Party, upon request of the other Contracting Party, shall furnish it with all relevant information relating to:

a) goods imported-exported from territory of one Contracting Party to that of the other Contracting Party and the customs procedure used for clearing the goods;

b) the movement of persons, goods, and conveyances between the territories of the Contracting Parties;

c) the collection of customs duties, other taxes, fees and charges levied by the Customs Authority and, in particular, information on goods valuation and on tariff classification;

d) goods subject to import and export prohibition or restrictions;

e) the application of rules of goods origin not covered by the other agreements concluded by one or both Contracting Parties.

2. The Customs Authority of either Contracting Party, upon request of the other Contracting Party, upon the grounds to believe that the followings are contravening or contravened customs legislation, shall take the necessary measures to ensure that a control surveillance is kept on:

a) natural or legal persons;

b) movements of goods;

c) conveyances.

Article 4
VOLUNTARY ASSISTANCE

The Customs Authorities shall provide each other, in accordance with their laws and regulations, with assistance that they consider necessary for the correct application of customs legislation, particularly when they obtain information pertaining to:

1. operations which have contravened, contravene or would contravene such legislation and which may be of interest of the other Contracting Party;

2. new means or methods used in committing such operations;

3. goods known to be subject to substantial contravention of customs legislation;

4. enforcement techniques that might be useful in customs control and supervision, including the experiences obtained from the application of those techniques.

Article 5
TECHNICAL CO-OPERATION

The Customs Authorities of the Contracting Parties shall, with their mutual benefits, cooperate with each other in the area of customs matters including:

1. exchange of customs experts for the purpose of enhancing the customs expertise and techniques;

2. exchange of information and experience in the usage of the interdiction and detection equipments;

3. exchange of professional, scientific and technical data relating to customs legislation and procedures; and

4. exchange of information on actions undertaken with third countries in the framework of the Council of Customs Cooperation.

Article 6
FORM AND CONTENTS OF REQUESTS FOR ASSISTANCE

1. Requests by either Contracting Party pursuant to this Agreement shall be made in writing and shall be accompanied by the other related documents. When required because of the urgency of the situation, oral requests may be accepted, but shall be confirmed in writing without delay.

2. Requests referred to in paragraph 1 of this Article shall include the following information:

a) the name of the Customs Authority making the request;

b) the purpose for which the request is made and a description of the assistance sought;

c) the identity, nationality and location of the parties to whom the request relates, if known; and

d) a description of the subject matter and nature of proceedings including the legal issues involved.

3. Requests and supporting documents shall be accompanied by a translation into the official language of the requested Contracting Party or into the English language.

Article 7
EXECUTION OF THE REQUESTS

1. The Contracting Parties, upon the request of the other Contracting Party, shall take all appropriate measures to execute the request by conducting any necessary investigation to gather and verify the information relating to the requests. Such investigation may include taking the testimony or statement of experts, witnesses as well as the persons suspected of having contravened customs legislation.

2. Requests for assistance referred to in this Article shall be executed in accordance with the laws and regulations in force of the requested Contracting Party and within the competence and resources of its Customs Authority.

Article 8
EXCEPTIONS TO ASSISTANCE

1. Assistance may be refused, in whole or in part, by the requested Contracting Party if:

a) the requested Contracting Party is of the opinion that execution of the request would prejudice its sovereignty, security, public order or other national interests;

b) the requested Contracting Party is of the opinion that the requests relates to the violation of an industrial, commercial or professional secrets in the territory of that Contracting Party; or

c) the requested Contracting Party is of the opinion that the requests involve currency or tax regulations other than regulations concerning import/export duties and other collections.

2. Before refusing to provide assistance, the requested Contracting Party shall consider whether assistance may be provided subject to such conditions or requirements as it deems necessary. If the requesting Contracting Party accepts assistance subject to these conditions or requirements, it shall comply with them.

3. If a request for assistance can not be complied with, the requesting Contracting Party shall be notified without delay and shall be informed of the reasons.

Article 9
NECESSARY INFORMATION

Subject to the constraints of Customs legislation, either Contracting Party shall, upon request, provide the other Contracting Party with reports, records of evidence, certified copies of documents or other materials including computerised information which may be considered essential for proceedings in the territory of the other Contracting Party.

Article 10
CONFIDENTIALITY

1. The information, documents and other communications received by either Contracting Party under this Agreement shall be treated as confidential and shall be granted the protection extended to the same kind of information and documents under the laws and regulations of that Contracting Party.

2. The information, documents and other communications received by either Contracting Party under this Agreement shall not be used for purposes other than those specified in this Agreement without the written consent of the other Contracting Party.

Article 11
COSTS

1. Expenses incurred by the requested Contracting Party in carrying out a request for assistance under this Agreement shall be borne by that Contracting Party.

2. Expenses arising from the technical cooperation referred to in Article 5 of this Agreement shall be subject to special arrangements by the two Contracting Parties.

Article 12
FINAL PROVISIONS

1- The Contracting Parties shall endeavour by mutual accord to resolve any problems or doubts arising from interpretation or application of this Agreement.

2. This Agreement shall enter into force thirty days after the date of signature.

3. This Agreement may be revised or amended by mutual consent.

4. This Agreement shall be effective for a period of five years and shall remain in force, thereafter indefinitely unless either Contracting Party notifies the other Contracting Party in writing six months in advance of its intention to terminate the Agreement.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorised by their respective Governments, have signed this Agreement.

Done in duplicate at Hanoi, on this day of the 10th of March 1995, in the Vietnamese, the Korean and the English languages, all texts being equally authentic. In case of any divergency of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

FOR THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF KOREA